

**TÒA PHÚC THẨM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỐI CAO
TẠI ĐÀ NẴNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 11/2025/HC-PT

Ngày: 04/8/2025

*V/v: “Khiếu kiện quyết định
hành chính, hành vi hành chính
trong lĩnh vực quản lý đất đai”.*

NHÂN DANH

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA PHÚC THẨM TÒA ÁN NHÂN DÂN TỐI CAO TẠI ĐÀ NẴNG**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Văn Thường

Các thẩm phán: Ông Nguyễn Tấn Long

Bà Trần Thị Kim Liên

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thoa – Thẩm tra viên Tòa phúc thẩm Tòa án nhân dân tối cao tại Đà Nẵng.

- Đại diện Viện Công tố và kiểm sát xét xử phúc thẩm tại Đà Nẵng tham gia phiên tòa: Ông Lê Văn Thành - Kiểm sát viên.

Ngày 04 tháng 8 năm 2025, tại Trụ sở Tòa phúc thẩm Tòa án nhân dân tối cao tại Đà Nẵng mở phiên tòa xét xử phúc thẩm công khai vụ án hành chính thụ lý số 167/2025/TLPT-HC ngày 08 tháng 5 năm 2025 về việc “*Khiếu kiện quyết định hành chính, hành vi hành chính trong lĩnh vực quản lý đất đai*”.

Do Bản án hành chính sơ thẩm số 137/2024/HC-ST ngày 27 tháng 8 năm 2024 của Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Nam bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 181/2025/QĐ-PT ngày 18 tháng 7 năm 2025 giữa các đương sự:

- Người khởi kiện:

1. Ông Nguyễn L, sinh năm 1963; địa chỉ: K, thị trấn N, huyện N, tỉnh Quảng Nam (nay là xã N, TP Đà Nẵng), có mặt.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp: Luật sư Nguyễn S - Văn phòng L1, thuộc Đoàn Luật sư tỉnh Q, có mặt.

2. Ông Nguyễn Văn B, sinh năm 1957; địa chỉ: K, thị trấn N, huyện N, tỉnh Quảng Nam (nay là xã N, TP Đà Nẵng), có mặt.

3. Ông Nguyễn C, sinh năm 1970; địa chỉ: K, thị trấn N, huyện N, tỉnh Quảng Nam (nay là xã N, TP Đà Nẵng), có mặt.

Người đại diện theo ủy quyền: Luật sư Trương Ngọc T1- Văn phòng L1, thuộc Đoàn Luật sư tỉnh Q; có mặt.

4. Ông Nguyễn X, sinh năm 1971; địa chỉ: K, thị trấn N, huyện N, tỉnh Quảng Nam (nay là xã N, TP Đà Nẵng), có mặt.

- *Người bị kiện:* Ủy ban nhân dân huyện N, tỉnh Quảng Nam (Người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng là Ủy ban nhân dân xã N, TP Đà Nẵng) và Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện N, tỉnh Quảng Nam (Người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng là Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã N, thành phố Đà Nẵng); Người đại diện theo ủy quyền: ông Nguyễn Thiều Hiền M – Phó chủ tịch UBND xã N, thành phố Đà Nẵng - có đơn xin xét xử vắng mặt.

- *Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:*

1. Ông Trần Văn M1, sinh năm 1963; địa chỉ: K, thị trấn N, huyện N, tỉnh Quảng Nam (nay là xã N, thành phố Đà Nẵng), vắng mặt.

2. Ông Huỳnh M2, sinh năm 1968.

3. Bà Bùi Thị Tuyết S1, sinh năm 1966.

Cùng địa chỉ: K, thị trấn N, huyện N, tỉnh Quảng Nam (nay là xã N, thành phố Đà Nẵng), vắng mặt.

- *Người kháng cáo:* người khởi kiện ông Nguyễn L và ông Nguyễn Văn B.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

**** Tại đơn khởi kiện của người khởi kiện, các văn bản có trong hồ sơ vụ án và tại phiên toà, người khởi kiện, người đại diện theo uỷ quyền của người khởi kiện, người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của người khởi kiện thống nhất trình bày:***

Nhóm hộ ông Nguyễn Văn B, Nguyễn L, Nguyễn C, Nguyễn X đang quản lý sử dụng ổn định lâu dài, hợp pháp các thửa đất: Thửa đất số 02, tờ bản đồ số 05 và các thửa đất số 03, 04, tờ bản đồ số 04 (theo hồ sơ 60/CP và 64/CP); nay theo hồ sơ đo mới thuộc các thửa số đất 03, 04 tờ bản đồ số 03-2020 và các thửa đất 39, 43 tờ bản đồ số 04-2020 tại khối B, thị trấn N, huyện N, tỉnh Quảng Nam từ năm 1994 đến nay.

Nguồn gốc các thửa đất này là do các ông tham gia mua đấu giá vào năm 1994 từ UBND huyện N (qua Hợp đồng mua bán tài sản lập ngày 29/4/1994 do ông Trần Văn M1 đứng tên đại diện) với tổng diện tích đất là 3,7ha. Tuy nhiên trong tổng diện tích đất này do lúc đó vì điều kiện quá khó khăn nên nhóm hộ các ông (do Nguyễn Văn B đứng tên đại diện) chỉ có đủ khả năng nhận và thanh toán cho Nhà nước với tỷ lệ là 1/4 diện tích trên, tương ứng với khoảng 9.250m².

Sau khi nhận chuyển nhượng đất, vào ngày 24/12/1994 các ông có đơn xin phép và được UBND thị trấn N cho phép cải tạo một phần đất để làm nhà trạm trên diện tích 300m² (30m ngang x 10m dài) hướng giáp mặt tiền đường Q hiện nay để ở và quản lý sử dụng đất sản xuất nuôi tôm sinh sống ổn định liên tục từ đó đến nay đã gần 28 năm không có tranh chấp. Đồng thời, các ông cũng đã tôn tạo một phần đất (nay là thửa đất số 43, tờ bản đồ số 04-2020) để làm nhà ở và mở doanh nghiệp tư nhân T2 do Nguyễn L đứng tên kinh doanh chế biến, cưa xẻ gỗ từ năm 2006 đến nay (có Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp do Sở K cấp).

Nay một số thửa đất này của các ông mới được UBND huyện N, thu hồi một phần hoặc toàn bộ để xây dựng công trình: Đường trục chính từ Khu công nghiệp T đi cảng K và sân bay C đoạn qua thị trấn N, qua các Quyết định công nhận, thu hồi đất ngày 28/4/2021 gồm: số 2535/QĐ-UBND và số 2536/QĐ-UBND (chung cho nhóm hộ gồm 07 hộ), số 2537/QĐ-UBND và 2538/QĐ-UBND (cho nhóm anh em các ông gồm 04 hộ), số 2540/QĐ-UBND (cho riêng hộ ông Nguyễn C và số 2541/QĐ-UBND (cho riêng hộ Nguyễn Văn B). Cụ thể:

1. Về việc được công nhận và thu hồi đất:

- Quyết định số 2537/QĐ-UBND ngày 28/4/2021 công nhận, thu hồi diện tích đất 455,1m² loại đất nuôi trồng thủy sản (NTS) cho ông Nguyễn Văn B, Nguyễn C, Nguyễn L, Nguyễn X1 tại thửa đất số 03 (một phần thửa đất), thuộc mảnh chính lý bản trích lục bản đồ địa chính số 03-2020 (theo hồ sơ đăng ký 60/CP tại thửa đất số 02, tờ bản đồ số 05);

- Quyết định số 2538/QĐ-UBND ngày 28/4/2021 công nhận, thu hồi diện tích đất 1.447,5m² loại đất nuôi trồng thủy sản (NTS) cho ông Nguyễn Văn B, Nguyễn C, Nguyễn L, Nguyễn X1 tại thửa đất số 04 (một phần thửa đất), thuộc mảnh chính lý bản trích lục bản đồ địa chính số 03-2020 (theo hồ sơ đăng ký 60/CP tại thửa đất số 04, tờ bản đồ số 04);

- Quyết định số 2540/QĐ-UBND ngày 28/4/2021 công nhận, thu hồi diện tích đất 322,2m² loại đất nuôi trồng thủy sản (NTS) cho hộ ông Nguyễn C tại thửa đất số 43 (toàn bộ thửa đất), thuộc mảnh chính lý bản trích lục bản đồ địa chính số 04-2020

(theo hồ sơ đăng ký 60/CP tại thửa đất số 03, tờ bản đồ số 04); được thay thế bởi Quyết định số 21134/QĐ-UBND ngày 07/12/2021 của UBND huyện N về việc công nhận quyền sử dụng đất và Quyết định số 1492/QĐ-UBND ngày 07/3/2022 của UBND huyện N về việc thu hồi đất;

- Quyết định số 2541/QĐ-UBND ngày 28/4/2021 công nhận, thu hồi diện tích đất 65,7m² loại đất nuôi trồng thủy sản (NTS) cho hộ ông Nguyễn Văn B tại thửa đất số 39 (toàn bộ thửa đất), thuộc mảnh chính lý bản trích lục bản đồ địa chính số 04-2020 (theo hồ sơ đăng ký 60/CP tại thửa đất số 03, tờ bản đồ số 04); được thay thế bởi Quyết định số 21133/QĐ-UBND ngày 07/12/2021 của UBND huyện N và Quyết định số 1493/QĐ-UBND ngày 07/3/2022 của UBND huyện N về việc thu hồi đất.

2. Về việc bồi thường, hỗ trợ

- Quyết định số 2819/QĐ-UBND ngày 12/5/2021 bồi thường, hỗ trợ cho nhóm hộ anh em các ông (04 hộ), do ông Nguyễn Văn B đại diện đối với 02 thửa đất số 03 và 04, tờ bản đồ số 03 với tổng số tiền là 360.209.129 đồng. Trong đó chỉ bồi thường về đất nuôi trồng thủy sản với đơn giá 36.000đ/m²; tổng tiền bồi thường 02 thửa đất trên, diện tích 1.902,6m² (455,1m² + 1.447,5m²) chỉ 68.493.600 đồng (16.383.600 đồng của thửa 03 + 52.110.000 đồng của thửa 04). Đồng thời về con vật nuôi, các ông nuôi tôm thẻ chân trắng công nghiệp trên đất chứ không phải tôm sú, nhưng chỉ được bồi thường 20.000đ/m² và không xem xét hỗ ổn định đời sống và sản xuất.

Thửa đất số 03, tờ bản đồ số 03-2020, diện tích đất thu hồi là 536,5m² (trong đó có 455,1m² diện tích đất mặt nước và 81,4m² diện tích bờ); tuy nhiên Quyết định số 2537/QĐ- UBND chỉ công nhận và thu hồi diện tích 455,1m² (không thu hồi và giải quyết bồi thường, hỗ trợ 81,4m² đất bờ); Thửa đất số 04, tờ số 03-2020, diện tích đất thu hồi là 1.549,7m² (trong đó có 1.447,5m² diện tích đất mặt nước và 102,2m² diện tích bờ); tuy nhiên Quyết định số 2538/QĐ- UBND chỉ công nhận và thu hồi diện tích 1.447,5m² (không thu hồi và giải quyết bồi thường, hỗ trợ 102,2m² đất bờ).

Từ đó không công nhận, thu hồi đất (trong khi các trích lục kèm theo đã thừa nhận) và không giải quyết bồi thường, hỗ trợ theo Quyết định số 2819/QĐ-UBND ngày 12/5/2021 gây thiệt hại cho quyền và lợi ích hợp pháp chính đáng của các ông.

- Quyết định số 2821/QĐ-UBND ngày 12/5/2021 bồi thường, hỗ trợ cho riêng Doanh nghiệp tư nhân T2 - đất Nguyễn C đối với thửa đất số 43, tờ bản đồ số 04 với tổng số tiền là: 49.734.561 đồng. Trong đó chỉ bồi thường về đất nuôi trồng thủy sản với đơn giá 36.000đ/m²; tổng tiền bồi thường thửa đất trên (hiện tiếp giáp mặt đường Quang Trung) diện tích 322,20m² chỉ 11.599.200 đồng. Đồng thời thửa đất trên các ông cũng đã đôn đất lên (cao trên 02m so với hồ nuôi trồng thủy sản) để làm nhà ở

và mở **doanh nghiệp tư nhân T2** do **Nguyễn L** đứng tên kinh doanh chế biến, cưa xẻ gỗ (có đơn xin phép và xác nhận của UBND thị trấn). Như vậy diện tích đất này lẽ ra phải được công nhận, thu hồi và bồi thường theo loại đất ở hoặc đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp (theo khoản 4 Điều 12 và khoản 2, Điều 5 Quyết định 43/2014/QĐ-UBND ngày 22/12/2014 của UBND tỉnh) hoặc đo đếm xác định cụ thể khối lượng đất bồi trức này để bồi thường, hỗ trợ cho các ông theo đúng quy định.

Đồng thời trên thửa đất này hiện các ông đang hoạt động kinh doanh cưa xẻ gỗ, thường xuyên chứa gỗ rừng tự nhiên với hàng trăm m³, đường kính lớn, khối lượng rất nặng (tại thời điểm kiểm kê có khoảng trên 70m³ gỗ cây có đường kính từ 0,8m trở lên), nhưng Quyết định bồi thường, hỗ trợ số 2821/QĐ-UBND và Bảng tính giá trị bồi thường, hỗ trợ số 05/BBAG-BT chỉ giải quyết hỗ trợ công di chuyển gỗ là 219.542đ/công x 35 công 7.683.981 đồng là không đảm bảo và phù hợp thực tế.

- Thửa đất số 39 và thửa đất số 43 thuộc mảnh chính lý bản trích lục bản đồ số 04-2020 (theo hồ sơ đăng ký 60/CP thuộc thửa đất số 03 tờ bản đồ số 4) ông **Nguyễn Văn B** đã có đơn xin phép làm nhà ở và có hồ sơ xin chuyển mục đích đất ở nên phải xác định đây là đất ở chứ không còn là đất SKC như hai Quyết định công nhận và thu hồi đất số 21133/QĐ-UBND và Quyết định số 21134/QĐ-UBND ngày 7/12/2021 của **UBND huyện N** đã công nhận. Việc sử dụng đất ở để làm xưởng gỗ, kinh doanh là do nhu cầu của chủ sử dụng. Do xác định loại đất không đúng nên việc bồi thường của **UBND huyện N** đã gây ảnh hưởng đến quyền lợi của các ông.

Quyết định số 2822/QĐ-UBND ngày 12/5/2021 bồi thường, hỗ trợ cho hộ ông **Nguyễn Văn B** đối với thửa đất số 39 tờ bản đồ số 04 với tổng số tiền là: 8.363.200 đồng. Trong đó chỉ bồi thường về đất nuôi trồng thủy sản với đơn giá 36.000đ/m²; tiền bồi thường thửa đất với diện tích 65,7m² chỉ 2.365.200 đồng. Trong khi thửa đất này đã được các ông cải tạo đôn đất (cao hơn 2m) và hiện nay thửa đất này tiếp giáp mặt đường Quang Trung mà chỉ được bồi thường hỗ trợ với đơn giá của đất nuôi trồng thủy sản mà không đo đếm xác định cụ thể khối lượng đất bồi trức để bồi thường các ông là không đảm bảo.

Đồng thời sau đó, **UBND huyện N** ban hành Quyết định số 1746/QĐ-UBND ngày 16/3/2022 về việc bồi thường, hỗ trợ đối với thửa đất số 39 tờ bản đồ số 4 cho hộ ông **Nguyễn Văn B** số tiền 228.241.800 đồng; ngày 03/8/2021 UBND huyện có Quyết định số 15862/QĐ-UBND bồi thường, hỗ trợ bổ sung cho **Doanh nghiệp tư nhân T2** - đất **Nguyễn C** tại thửa đất số 43 tờ bản đồ số 04 (kinh doanh cưa xẻ gỗ) với số tiền là: 15.000.000 đồng để hỗ trợ ổn định đời sống và Quyết định 1745/QĐ-UBND ngày 16/3/2022 của **UBND huyện N** điều chỉnh, bổ sung bồi thường, hỗ trợ cho ông **Nguyễn C** số tiền 1.104.322.800 đồng.

3. Về việc bị cưỡng chế thu hồi đất:

Ngày 19/8/2021, Chủ tịch UBND huyện N ban hành các Quyết định số 16595/QĐ-UBND, 16596/QĐ-UBND, 16597/QĐ-UBND, 16598/QĐ-UBND, 16600/QĐ-UBND và 16601/QĐ-UBND về việc cưỡng chế thu hồi các thửa đất nêu trên của các ông và các thửa đất lân cận của các hộ thuộc nhóm 07 hộ các ông.

Ngoài ra, trên các thửa đất này hiện các ông đang hoạt động kinh doanh của xẻ gỗ, thường xuyên chứa gỗ rừng tự nhiên của doanh nghiệp các ông với hàng trăm m³, đường kính lớn, trọng lượng nặng (tại thời điểm kiểm kê có khoảng trên 70m³ gỗ tròn có đường kính từ 0,8m trở lên), nhưng Quyết định bồi thường, hỗ trợ số 2821/QĐ-UBND ngày 12/5/2021 và Bảng tính giá trị bồi thường, hỗ trợ kèm theo chỉ giải quyết hỗ trợ công di chuyển gỗ là $219.542\text{đ}/\text{công} \times 35 \text{ công} = 7.683.981$ đồng là không đảm bảo và phù hợp thực tế. Vì số gỗ này tồn tại nhiều hay ít tùy vào từng thời điểm, muốn di chuyển đi nơi khác cần phải có xe chuyên dụng, công cụ hỗ trợ chứ không thể chỉ dùng sức người, và công lao động là nặng nhọc không thể chỉ với 219.542 đồng; đồng thời muốn chuyển số gỗ này đi nơi khác cần phải có địa điểm để tập kết, chứa trữ số gỗ này. Thế nhưng các thiệt hại này chưa được cơ quan chức năng tính hỗ trợ cho các ông.

Hiện nay nhà nước có quyết định thu hồi đất đã gây thiệt hại rất lớn cho các ông đối với các khoản đầu tư, sản xuất nuôi tôm nhưng không được xem xét thực tế để giải quyết bồi thường, hỗ trợ là không đảm bảo theo quy định tại khoản 5, Điều 36 Quyết định số 43/2014 ngày 22/12/2014 của UBND tỉnh Q. Đồng thời, việc giải quyết bồi thường, hỗ trợ về con vật nuôi trên đất này chưa đảm bảo theo đúng quy định tại khoản 2, Điều 3 Quyết định số 13/2019/QĐ-UBND ngày 29/8/2019 của UBND tỉnh.

Về đơn giá đất mà UBND huyện N áp dụng để bồi thường về đất cho các ông theo các quyết định bồi thường, hỗ trợ (chỉ 36.000đ/m² đối với đất nuôi trồng thủy sản và 46.000đ/m² đối với đất trồng cây lâu năm) là quá thấp so với giá thị trường tại thời điểm thu hồi đất, không đúng nguyên tắc để định giá đất theo Luật đất đai năm 2013 (khoản 1, Điều 112) là: *“Phù hợp với giá đất phổ biến trên thị trường của loại đất có cùng mục đích sử dụng đã chuyển nhượng, giá trúng đấu giá quyền sử dụng đất đối với những nơi có đấu giá quyền sử dụng đất hoặc thu nhập từ việc sử dụng đất. Cùng một thời điểm, các thửa đất liền kề nhau có cùng mục đích sử dụng, khả năng sinh lợi, thu nhập từ việc sử dụng đất tương tự như nhau thì có mức giá như nhau”*.

Tại các Quyết định và công nhận quyền sử dụng đất, thu hồi đất như đã viện dẫn, UBND huyện N chỉ công nhận một phần diện tích đất cho các ông đối với phần

đất đang bị thu hồi, giải tỏa để xây dựng đường 129, chứ không xem xét, giải quyết công nhận toàn bộ các thửa đất mà các ông đã mua đấu giá, quản lý sử dụng ổn định lâu dài, hợp pháp từ năm 1994 đến nay để thu hồi một phần các thửa đất trên (trừ Quyết định số 2540/QĐ- UBND ngày 28/4/2021 công nhận và thu hồi toàn bộ thửa đất số 43, thuộc mảnh chính lý bản trích lục bản đồ địa chính số 04-2020).

Các thửa đất này có nguồn gốc do các ông tạo lập hợp pháp, quản lý sử dụng ổn định lâu dài, liên tục từ trước ngày 01/7/2004 không có tranh chấp, nhưng đến nay chỉ mới được nhà nước công nhận một phần diện tích chứ không được thừa nhận toàn bộ; trong khi các thửa đất này đã được đo đạc cụ thể có Trích lục bản đồ từng thửa đất (kèm theo các quyết định công nhận và thu hồi đất) thể hiện rõ số thửa, số tờ bản đồ, tổng diện tích thửa đất, diện tích bị thu hồi, tọa độ, loại đất, chủ sử dụng đất... đã được cơ quan chức năng xét duyệt. Các ông đã nhiều lần có yêu cầu, đề nghị nhưng đều không được xem xét giải quyết một cách khách quan, kịp thời.

Trung tâm bồi thường và giải phóng mặt bằng. Công ty cổ phần Đ khối lượng đất đắp theo công thức thể tích hình khối thành thẳng (dài x rộng x cao) là không đúng. Bởi, đây là khối lượng đất đôn lên làm bờ trên diện tích mặt nước nuôi trồng thủy sản, để giải quyết việc chống sạt lở khi đắp đất các ông dùng phương pháp đắp thành đất vát taluy nên không thể áp dụng công thức tính khối đất đắp thành thẳng với trường hợp thành vát taluy. Việc sai sót này làm ảnh hưởng đến việc bồi thường một khối lượng đất đắp không nhỏ. Trường hợp này phải áp dụng công thức tính thể tích hình khối vát thành taluy: $V = (\text{tổng chiều dài 2 đáy} \times \text{tổng chiều rộng 2 đáy}) + \text{diện tích đáy dưới} + \text{diện tích đáy trên}) \times \text{chiều cao} / 6$. Tuy nhiên, trong hồ sơ vụ án, chưa thấy đơn vị đo đạc đo chiều rộng của đáy dưới bờ.

Từ những lí do nêu trên, ông Nguyễn Văn B, Nguyễn L, Nguyễn C, Nguyễn X khởi kiện yêu cầu Tòa án:

- Hủy Quyết định số 2537/QĐ-UBND ngày 28/4/2021 của Ủy ban nhân dân huyện N về việc công nhận quyền sử dụng đất, thu hồi đất để xây dựng đường trục chính từ khu công nghiệp T đi cảng K và sân bay C đoạn qua thị trấn N, huyện N, tỉnh Quảng Nam;

- Hủy Quyết định số 2538/QĐ-UBND ngày 28/4/2021 của Ủy ban nhân dân huyện N về việc công nhận quyền sử dụng đất, thu hồi đất để xây dựng đường trục chính từ khu công nghiệp T đi cảng K và sân bay C đoạn qua thị trấn N, huyện N, tỉnh Quảng Nam;

- Hủy Quyết định số 2540/QĐ-UBND ngày 28/4/2021 của Ủy ban nhân dân huyện N về việc công nhận quyền sử dụng đất, thu hồi đất để xây dựng đường trục

chính từ khu công nghiệp T đi cảng K và sân bay C đoạn qua thị trấn N, huyện N, tỉnh Quảng Nam; nay là Quyết định số 21134/QĐ-UBND ngày 07/12/2021 của UBND huyện N;

- Hủy Quyết định số 2541/QĐ-UBND ngày 28/4/2021 của Ủy ban nhân dân huyện N về việc công nhận quyền sử dụng đất, thu hồi đất để xây dựng đường trục chính từ khu công nghiệp T đi cảng K và sân bay C đoạn qua thị trấn N, huyện N, tỉnh Quảng Nam; nay là Quyết định 21133/QĐ-UBND ngày 07/12/2021 của Ủy ban nhân dân huyện N;

- Hủy Quyết định số 2821/QĐ-UBND ngày 12/5/2021 của Ủy ban nhân dân huyện N về bồi thường, hỗ trợ và giải phóng mặt bằng cho Doanh nghiệp tư nhân T2- đất Nguyễn C để giải phóng mặt bằng xây dựng công trình đường trục chính từ khu công nghiệp T đi cảng K và sân bay C (đoạn qua thị trấn N, huyện N) rộng 30 tại thị trấn N, huyện N, tỉnh Quảng Nam;

- Hủy Quyết định số 2822/QĐ-UBND ngày 12/5/2021 của Ủy ban nhân dân huyện N về bồi thường, hỗ trợ và giải phóng mặt bằng cho hộ ông (bà) Nguyễn Văn B - đại diện nhóm (4 hộ) để giải phóng mặt bằng xây dựng công trình đường trục chính từ khu công nghiệp T đi cảng K và sân bay C (đoạn qua thị trấn N, huyện N) rộng 30 tại thị trấn N, huyện N, tỉnh Quảng Nam;

- Hủy Quyết định số 21133/QĐ-UBND ngày 07/12/2021 của UBND huyện N về việc công nhận và thu hồi đất đối với hộ ông Nguyễn Văn B.

- Hủy Quyết định số 21134/QĐ-UBND ngày 07/12/2021 của UBND huyện N về việc công nhận và thu hồi đất đối với hộ ông Nguyễn Cư .

- Hủy Quyết định số 1492/QĐ-UBND ngày 07/3/2022 về việc thu hồi đất để thực hiện dự án đường trục chính từ Khu công nghiệp T đi cảng K và sân bay C tại thị trấn N, huyện N;

- Hủy Quyết định số 1493/QĐ-UBND ngày 07/3/2022 về việc thu hồi đất để thực hiện dự án đường trục chính từ Khu công nghiệp T đi cảng K và sân bay C tại thị trấn N, huyện N;

- Hủy Quyết định số 2819/QĐ-UBND ngày 12/5/2021 của Ủy ban nhân dân huyện N về bồi thường, hỗ trợ và giải phóng mặt bằng cho hộ ông (bà) Nguyễn Văn B - đại diện nhóm (4 hộ) để giải phóng mặt bằng xây dựng công trình đường trục chính từ khu công nghiệp T đi cảng K và sân bay C (đoạn qua thị trấn N, huyện N) rộng 30 tại thị trấn N, huyện N, tỉnh Quảng Nam;

- Hủy Quyết định số 15862/QĐ-UBND ngày 03/8/2021 của Ủy ban nhân dân huyện N về bồi thường, hỗ trợ và giải phóng mặt bằng cho Doanh nghiệp tư nhân T2- đất Nguyễn C để giải phóng mặt bằng xây dựng công trình đường trục chính từ khu công nghiệp T đi cảng K và sân bay C (đoạn qua thị trấn N, huyện N) đợt 36 tại thị trấn N, huyện N, tỉnh Quảng Nam;

- Hủy Quyết định số 1745/QĐ-UBND ngày 16/3/2022 về việc bồi thường, hỗ trợ đối với thửa đất số 43 tờ bản đồ số 4 cho hộ ông Nguyễn C để giải phóng mặt bằng xây dựng công trình đường trục chính từ Khu công nghiệp T đi cảng K và sân bay C;

- Hủy Quyết định số 1746/QĐ-UBND ngày 16/3/2022 về việc bồi thường, hỗ trợ đối với thửa đất số 39 tờ bản đồ số 4 cho hộ ông Nguyễn Văn B để giải phóng mặt bằng xây dựng công trình đường trục chính từ Khu công nghiệp T đi cảng K và sân bay C;

- Hủy Quyết định số 16600/QĐ-UBND ngày 19/8/2021 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện N về việc cưỡng chế thu hồi đất;

- Hủy Quyết định số 16601/QĐ-UBND ngày 19/8/2021 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện N về việc cưỡng chế thu hồi đất;

- Hủy Quyết định số 16597/QĐ-UBND ngày 19/8/2021 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện N về việc cưỡng chế thu hồi đất;

- Hủy Quyết định số 16598/QĐ-UBND ngày 19/8/2021 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện N về việc cưỡng chế thu hồi đất.

- Hủy Quyết định số 4454/QĐ-UBND ngày 14/6/2022 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện N về việc cưỡng chế thu hồi đất

- Hủy Quyết định số 4455/ QĐ-UBND ngày 14/6/2022 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện N về việc cưỡng chế thu hồi đất.

- Buộc Ủy ban nhân dân huyện N thực hiện bồi thường, hỗ trợ cho các hộ ông Nguyễn Văn B, ông Nguyễn L, ông Nguyễn C và ông Nguyễn X (đối với các thửa đất số 03, 04 cùng tờ bản đồ số 03 và các thửa 39, 43 cùng tờ bản đồ số 04-2020) theo đúng quy định của pháp luật.

- Buộc Ủy ban nhân dân huyện N khôi phục lại hệ thống cống lấy nước và thoát nước để các hộ quản lý, sử dụng lấy nước nuôi trồng thủy sản.

Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, người khởi kiện, đại diện theo uỷ quyền của người khởi kiện rút một phần yêu cầu khởi kiện về việc:

- Hủy Quyết định số 2540/QĐ-UBND ngày 28/4/2021 của Ủy ban nhân dân huyện N về việc công nhận quyền sử dụng đất, thu hồi đất để xây dựng đường trục chính từ khu công nghiệp T đi cảng K và sân bay C đoạn qua thị trấn N, huyện N, tỉnh Quảng Nam;

- Hủy Quyết định số 2541/QĐ-UBND ngày 28/4/2021 của Ủy ban nhân dân huyện N về việc công nhận quyền sử dụng đất, thu hồi đất để xây dựng đường trục chính từ khu công nghiệp T đi cảng K và sân bay C đoạn qua thị trấn N, huyện N, tỉnh Quảng Nam;

- Hủy Quyết định số 2821/QĐ-UBND ngày 12/5/2021 cho doanh nghiệp tư nhân về bồi thường, hỗ trợ và giải phóng mặt bằng cho Doanh nghiệp tư nhân T2-đất Nguyễn C để giải phóng mặt bằng xây dựng công trình đường trục chính từ khu công nghiệp T đi cảng K và sân bay C (đoạn qua thị trấn N, huyện N) đoid 30 tại thị trấn N, huyện N, tỉnh Quảng Nam;

- Hủy Quyết định số 2822/QĐ-UBND ngày 12/5/2021 của Ủy ban nhân dân huyện N về bồi thường, hỗ trợ và giải phóng mặt bằng cho hộ ông (bà) Nguyễn Văn B- đại diện nhóm (4 hộ) để giải phóng mặt bằng xây dựng công trình đường trục chính từ khu công nghiệp T đi cảng K và sân bay C (đoạn qua thị trấn N, huyện N) đoid 30 tại thị trấn N, huyện N, tỉnh Quảng Nam;

- Hủy Quyết định số 16600/QĐ-UBND ngày 19/8/2021 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện N về việc cưỡng chế thu hồi đất;

- Hủy Quyết định số 16601/QĐ-UBND ngày 19/8/2021 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện N về việc cưỡng chế thu hồi đất;

- Buộc Ủy ban nhân dân huyện N khôi phục lại hệ thống công lấy nước và thoát nước để các hộ quản lý, sử dụng lấy nước nuôi trồng thủy sản.

**** Tại văn bản nêu ý kiến của UBND huyện N, tại các phiên đối thoại, người đại diện theo ủy quyền và người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của Ủy ban nhân dân huyện N thống nhất trình bày:***

Căn cứ các quy định về bồi thường, hỗ trợ và tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất trên địa bàn tỉnh Quảng Nam, UBND huyện N có ý kiến như sau:

- Về nguồn gốc: Các thửa đất số 03 và 04, thuộc mảnh chính lý trích lục bản đồ địa chính số 03-2020 (gọi tắt là mảnh số 03-2020) có nguồn gốc sử dụng từ việc mua bán tài sản theo Hợp đồng mua bán tài sản ngày 29/4/1994.

Theo hồ sơ 60/CP thị trấn N thể hiện:

+ Vị trí thửa đất số 03, mảnh số 03-2020 (hồ sơ đo đạc dự án) thuộc thửa đất số 02 và thửa đất số 03, tờ bản đồ số 05, loại đất ao tôm (theo hồ sơ 60/CP) do Ủy ban nhân **thị trấn N** đứng tên kê khai chủ sử dụng đất.

+ Vị trí thửa đất số 04, mảnh số 03-2020 (hồ sơ đo đạc dự án) thuộc thửa đất số 04 và thửa đất số 06, tờ bản đồ số 04, loại đất ao tôm (theo hồ sơ 60/CP) do Ủy ban nhân **thị trấn N** đứng tên kê khai chủ sử dụng đất.

Theo hồ sơ Dự án cơ sở dữ liệu đất đai làm cơ sở để cấp đổi, cấp mới Giấy CNQSD đất tại **thị trấn N** được **Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh K** phê duyệt ngày 20/11/2015 thể hiện:

+ Vị trí thửa đất số 03, mảnh số 03-2020 (hồ sơ đo đạc dự án) thuộc thửa đất số 03, tờ bản đồ số 03, loại đất NTS (theo hồ sơ CSDL) do các ông **Nguyễn Văn B**, **Nguyễn C** và **Nguyễn L** đứng tên kê khai chủ sử dụng đất.

+ Vị trí thửa đất số 04, mảnh số 03-2020 (hồ sơ đo đạc dự án) thuộc thửa đất số 05, tờ bản đồ số 03, loại đất NTS (theo hồ sơ CSDL) do các ông **Nguyễn Văn B**, **Nguyễn C** và **Nguyễn L** đứng tên kê khai chủ sử dụng đất.

Theo hồ sơ đo đạc phục vụ dự án được **Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh K** phê duyệt ngày 21/5/2020:

+ Thửa đất số 03, mảnh số 03-2020, loại đất NTS do nhóm hộ **Nguyễn Văn B**, **Nguyễn C**, **Nguyễn L**, **Nguyễn X** đứng tên chủ sử dụng.

+ Thửa đất số 04, mảnh số 03-2020, loại đất NTS do nhóm hộ **Nguyễn Văn B**, **Nguyễn C**, **Nguyễn L**, **Nguyễn X** đứng tên chủ sử dụng.

Theo Biên bản họp hội đồng tư vấn xét nguồn gốc, thời điểm sử dụng đất ngày 12/11/2019 của **UBND thị trấn N** xác nhận: các thửa đất số 03 và thửa đất số 04, mảnh số 03-2020 có nguồn gốc từ đất do ông **Trần Văn M1** đầu giá của **UBND huyện N** và thời điểm sử dụng là từ năm 1994. Theo đề nghị của **UBND thị trấn N** và trên cơ sở các hồ sơ đất đai, thực tế sử dụng đất của các hộ dân, ngày 28/4/2021, **UBND huyện N** lần lượt ban hành Quyết định số 2537/QĐ-UBND và Quyết định số 2538/QĐ-UBND về việc công nhận quyền sử dụng đất, thu hồi đất để xây dựng đường trục chính từ **khu công nghiệp T đi cảng K và sân bay C đoạn qua thị trấn N, huyện N, tỉnh Quảng Nam** tương ứng với các thửa đất số 03 và thửa đất số 04, mảnh số 03-2020 cho các hộ ông **Nguyễn Văn B**, ông **Nguyễn C**, ông **Nguyễn L** và ông **Nguyễn X1** là đúng loại đất và đối tượng sử dụng đất theo quy định của pháp luật.

Trên cơ sở các Quyết định công nhận quyền sử dụng đất và thu hồi đất đã nêu, **UBND huyện N** lần lượt ban hành các Quyết định số 2819/QĐ- UBND, Quyết định

số 2822/QĐ-UBND ngày 12/5/2021 về bồi thường, hỗ trợ và giải phóng mặt bằng cho hộ ông **Nguyễn Văn B** – đại diện nhóm (4 hộ) và các Quyết định số 2821/QĐ-UBND ngày 12/5/2021, Quyết định số 15862/QĐ-UBND ngày 03/8/2021 về bồi thường, hỗ trợ và giải phóng mặt bằng cho **Doanh nghiệp tư nhân T2** - đất **Nguyễn Cuyễn C** để giải phóng mặt bằng xây dựng công trình đường trục chính từ **khu công nghiệp Đ và sân bay C** Lai là đảm bảo đầy đủ, đúng trình tự, thủ tục về bồi thường, hỗ trợ và tái định cư và đúng theo quy định của pháp luật.

Trình tự thực hiện việc thu hồi đất, bồi thường, hỗ trợ cho các hộ dân đã được thực hiện đúng theo quy định của pháp luật.

Đối với các yêu cầu khởi kiện bổ sung của người khởi kiện:

Ý kiến về quá trình thu hồi đất, thực hiện bồi thường giải phóng mặt bằng:

1. Đối với thửa đất số 03, 04, thuộc mảnh chỉnh lý bản trích lục bản đồ địa chính số 03-2020 được **Sở K** phê duyệt ngày 21/5/2020, các thửa đất này hồ sơ đăng ký đất đai qua các thời kỳ và thực tế sử dụng là đất nuôi trồng thủy sản, do đó **UBND huyện N** đã nêu ý kiến tại Công văn số 1185/UBND-TNMT ngày 14/6/2023, do đó, UBND huyện không có ý kiến sửa đổi, bổ sung.

2. Đối với thửa đất số 39, 43, thuộc mảnh đo đạc chỉnh lý bản đồ địa chính số 04-2020 được **Sở K** phê duyệt ngày 21/5/2020, **UBND huyện N** có ý kiến như sau:

Về thực tế sử dụng đất: Hiện tại hai thửa đất nói trên do các hộ sử dụng để làm cơ sở cửa xe gỗ, do đó:

- Trên cơ sở thực tế sử dụng đất của các hộ gia đình, cá nhân, ngày 07/12/2021, **UBND huyện N** ban hành Quyết định số 21133/QĐ-UBND thay thế Quyết định số 2541/QĐ-UBND ngày 28/4/2021 của **UBND huyện N** và Quyết định số 21134/QĐ-UBND thay thế Quyết định số 2540/QĐ-UBND ngày 28/4/2021 của **UBND huyện N**.

- Ngày 07/3/2022, **UBND huyện N** ban hành Quyết định số 1492/QĐ-UBND và Quyết định số 1493/QĐ-UBND về việc thu hồi đất để thực hiện dự án Đường trục chính từ **Khu công nghiệp T đi cảng K và sân bay C tại thị trấn N, huyện N**, qua đó thu hồi đất tại thửa đất số 39 và thửa đất số 43 với loại đất là đất cơ sở sản xuất kinh doanh phi - nông nghiệp (SKC) để thực hiện bồi thường, hỗ trợ theo quy định.

Ngày 16/3/2022, **UBND huyện N** ban hành các Quyết định số 1745/QĐ-UBND và Quyết định số 1746/QĐ-UBND để bồi thường, hỗ trợ và giải phóng mặt bằng cho ông **Nguyễn C** và **Nguyễn Văn B** để giải phóng mặt bằng xây dựng công

trình Đường trục chính từ Khu công nghiệp T đi cảng K và sân bay C (đoạn qua địa bàn thị trấn N) đợt 38 (điều chỉnh, bổ sung) tại thị trấn N, huyện N, tỉnh Quảng Nam.

Mặc dù, UBND huyện N đã ban hành quyết định điều chỉnh loại đất và điều chỉnh, bổ sung giá trị bồi thường giải phóng mặt bằng tuy nhiên các hộ dân vẫn không chấp hành quyết định thu hồi đất, không thống nhất nhận tiền và không thống nhất bàn giao mặt bằng để triển khai thi công dự án mặc dù đã được UBND thị trấn N, Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam thị trấn N, Tổ chức làm nhiệm vụ bồi thường, giải phóng mặt bằng nhiều lần vận động, thuyết phục.

Ngày 14/6/2022, Chủ tịch UBND huyện N lần lượt ban hành các Quyết định số 4454/QĐ-UBND và Quyết định số 4455/QĐ-UBND về việc cưỡng chế thu hồi đất của thửa đất số 39 và thửa đất số 43, việc ban hành các quyết định cưỡng chế thu hồi đất là đúng theo quy định tại Điều 71 Luật Đất đai 2013.

* Ý kiến khác liên quan đến nội dung khởi kiện:

1. Về đơn giá bồi thường về đất:

Đơn giá bồi thường về đất thực hiện theo Quyết định số 4240/QĐ-UBND ngày 23/7/2020 và Quyết định số 171/QĐ-UBND ngày 10/01/2022 của UBND huyện N phê duyệt giá đất cụ thể để tính tiền bồi thường khi Nhà nước thu hồi đất thực hiện giải phóng mặt bằng dự án Đường trục chính từ Khu công nghiệp T đi cảng K và sân bay C đoạn qua thị trấn N, huyện N, giá đất tại các quyết định trên bằng với giá đất của UBND tỉnh Q quy định tại Quyết định số 24/2019/QĐ-UBND ngày 20/12/2019.

2. Về bồi thường con vật nuôi:

Được thực hiện theo quy định Điều 3 Quyết định số 13/2019/QĐ-UBND ngày 29/8/2019 của UBND tỉnh

Trên cơ sở Biên bản kê khai và kiểm đếm hiện trạng được lập ngày 03/11/2020 giữa Tổ chức làm nhiệm vụ bồi thường phối hợp với UBND thị trấn N có ý kiến xác nhận của ông Nguyễn L thì con vật nuôi trong hồ là tôm Sú, do đó, UBND huyện N áp giá đền bù với đơn giá là 20.000đ/m² là đúng quy định của UBND tỉnh Q về bồi thường con vật nuôi.

3. Về hỗ trợ ổn định đời sống khi thu hồi đất nông nghiệp:

- Đối với thửa đất số 39, 43, thuộc mảnh đo đạc chỉnh lý bản đồ địa chính số 04-2020 được Sở K phê duyệt ngày 21/5/2020, UBND huyện N ban hành Quyết định số 1492/QĐ- UBND và Quyết định số 1493/QĐ-UBND về việc thu hồi đất để thực hiện dự án Đường trục chính từ Khu công nghiệp T đi cảng K và sân bay C tại thị trấn N, huyện N, qua đó thu hồi đất tại thửa đất số 39 và thửa đất số 43 với loại

đất là đất cơ sở sản xuất kinh doanh phi nông nghiệp (SKC), do đó không phải là đất nông nghiệp nên không tính hỗ trợ ổn định đời sống.

Đối với thửa đất số 03, 04, thuộc mảnh chỉnh lý bản trích lục bản đồ địa chính số 03-2020 được **Sở K** phê duyệt ngày 21/5/2020, loại đất thu hồi thuộc nhóm đất nông nghiệp:

Theo khoản 1 Điều 22 Quyết định số 43/2014/QĐ-UBND ngày 22/12/2014 được sửa đổi bổ sung tại khoản 8 Điều 2 Quyết định số 19/2017/QĐ-UBND ngày 05/9/2017 của **UBND tỉnh Q**: Quy định đối tượng được hỗ trợ ổn định đời sống là hộ gia đình, cá nhân.

Trường hợp thu hồi đất của các ông **Nguyễn C, Nguyễn L, Nguyễn X và Nguyễn Văn B**, đây là nhóm hộ nên theo quy định trên không thuộc đối tượng được hỗ trợ ổn định đời sống khi Nhà nước thu hồi đất.

4. Về nội dung không bồi thường đối với diện tích bờ ao nuôi trồng thủy sản: Áp dụng tại tiết g, điểm 2.3, khoản 2 Điều 8 Thông tư số 25/2014/TT-BTNMT ngày 19/5/2014 của **Bộ T3** và điểm d, khoản 5 Điều 36 Quyết định số 43/2014/QĐ-UBND ngày 22/12/2014 của **UBND tỉnh Q**.

Căn cứ vào các quy định trên và thực tế của các bờ thửa đều có độ rộng lớn hơn 0,5m, do đó Tổ chức làm nhiệm vụ bồi thường giải phóng mặt bằng đã kiểm kê khối lượng đất đắp bờ để tính giá trị bồi thường cho các hộ bị ảnh hưởng là phù hợp với quy định hiện hành. Đồng thời kinh phí bồi thường về khối lượng đất đắp bờ lớn hơn nhiều so với kinh phí bồi thường về diện tích bờ đất.

5. Về việc bồi thường đối với khối lượng đất đôn tại thửa đất số 39, 43, thuộc mảnh đo đạc chỉnh lý bản đồ địa chính số 04-2020 được **Sở K** phê duyệt ngày 21/5/2020.

Thực hiện theo quy định tại Điều 76 Luật Đất đai 2013, Điều 3 Nghị định số 47/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ và Điều 3 Thông tư số 37/2014/TT-BTNMT ngày 30/6/2014 của **Bộ T3**, theo đó quy định các trường hợp không được bồi thường về đất thì mới đủ điều kiện bồi thường chi phí đầu tư vào đất còn lại, do đó, các thửa đất trên đã được **UBND huyện N** bồi thường về đất với loại đất sản xuất kinh doanh, nên không có cơ sở bồi thường chi phí đầu tư vào đất còn lại.

6. Đối với các yêu cầu khác: **UBND huyện N** thực hiện thu hồi đất trong phạm vi dự án, mọi việc phát sinh trong phạm vi thu hồi đất đã được **UBND huyện N** giải quyết đảm bảo đúng quy định về bồi thường giải phóng mặt bằng, đối với phạm vi

nằm ngoài vệt thu hồi đất không thuộc thẩm quyền giải quyết của UBND huyện N, do đó, UBND huyện N không nêu ý kiến.

Từ những cơ sở trên, việc các ông Nguyễn Văn B, ông Nguyễn C, ông Nguyễn L và ông Nguyễn X đề nghị hủy các quyết định hành chính của UBND huyện N là không có cơ sở. Do đó, đề nghị Tòa án bác toàn bộ nội dung khiếu kiện của các ông Nguyễn Văn B, ông Nguyễn C, ông Nguyễn L và ông Nguyễn X. ¹

**** Những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan trong vụ án thống nhất theo ý kiến của người khởi kiện.***

Tòa án đã tiến hành tổ chức phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và tiến hành đối thoại để các đương sự thống nhất với nhau về việc giải quyết vụ án nhưng không thành.

Bản án hành chính sơ thẩm số 137/2024/HC-ST ngày 27 tháng 8 năm 2024 của Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Nam đã quyết định:

1. Đình chỉ xét xử đối với các yêu cầu khởi kiện của người khởi kiện sau:

+ Hủy Quyết định số 2540/QĐ-UBND ngày 28/4/2021 của Ủy ban nhân dân huyện N về việc công nhận quyền sử dụng đất, thu hồi đất để xây dựng đường trục chính từ khu công nghiệp T đi cảng K và sân bay C đoạn qua thị trấn N, huyện N, tỉnh Quảng Nam;

+ Hủy Quyết định số 2541/QĐ-UBND ngày 28/4/2021 của Ủy ban nhân dân huyện N về việc công nhận quyền sử dụng đất, thu hồi đất để xây dựng đường trục chính từ khu công nghiệp T đi cảng K và sân bay C đoạn qua thị trấn N, huyện N, tỉnh Quảng Nam;

+ Hủy Quyết định số 2821/QĐ-UBND ngày 12/5/2021 cho doanh nghiệp tư nhân về bồi thường, hỗ trợ và giải phóng mặt bằng cho Doanh nghiệp tư nhân T2-đất Nguyễn C để giải phóng mặt bằng xây dựng công trình đường trục chính từ khu công nghiệp T đi cảng K và sân bay C (đoạn qua thị trấn N, huyện N) đợt 30 tại thị trấn N, huyện N, tỉnh Quảng Nam;

+ Hủy Quyết định số 2822/QĐ-UBND ngày 12/5/2021 của Ủy ban nhân dân huyện N về bồi thường, hỗ trợ và giải phóng mặt bằng cho hộ ông (bà) Nguyễn Văn B- đại diện nhóm (4 hộ) để giải phóng mặt bằng xây dựng công trình đường trục chính từ khu công nghiệp T đi cảng K và sân bay C (đoạn qua thị trấn N, huyện N) đợt 30 tại thị trấn N, huyện N, tỉnh Quảng Nam;

+ Hủy Quyết định số 16600/QĐ-UBND ngày 19/8/2021 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện N về việc cưỡng chế thu hồi đất;

+ Hủy Quyết định số 16601/QĐ-UBND ngày 19/8/2021 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện N về việc cưỡng chế thu hồi đất;

+ Buộc Ủy ban nhân dân huyện N khôi phục lại hệ thống công lấy nước và thoát nước để các hộ quản lý, sử dụng lấy nước nuôi trồng thủy sản.

2. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn C, Nguyễn L, Nguyễn X và Nguyễn Văn B về việc: Buộc UBND huyện N thực hiện hỗ trợ bổ sung cho ông Nguyễn C, Nguyễn L, Nguyễn X và Nguyễn Văn B về “Hỗ trợ ổn định đời sống và sản xuất khi Nhà nước khi thu hồi đất” đối với các thửa đất số 03, 04 cùng tờ bản đồ số 03-2020 và các thửa 39, 43 cùng tờ bản đồ số 04-2020 tại thị trấn N, huyện N, tỉnh Quảng Nam theo quy định pháp luật.

3. Bác yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn C, Nguyễn L, Nguyễn X và Nguyễn Văn B về việc:

+ Hủy Quyết định số 2537/QĐ-UBND ngày 28/4/2021 của Ủy ban nhân dân huyện N về việc công nhận quyền sử dụng đất, thu hồi đất để xây dựng đường trục chính từ khu công nghiệp T đi cảng K và sân bay C đoạn qua thị trấn N, huyện N, tỉnh Quảng Nam;

+ Hủy Quyết định số 2538/QĐ-UBND ngày 28/4/2021 của Ủy ban nhân dân huyện N về việc công nhận quyền sử dụng đất, thu hồi đất để xây dựng đường trục chính từ khu công nghiệp T đi cảng K và sân bay C đoạn qua thị trấn N, huyện N, tỉnh Quảng Nam;

+ Hủy Quyết định số 21133/QĐ-UBND ngày 07/12/2021 của Ủy ban nhân dân huyện N về việc công nhận quyền sử dụng đất đối với hộ ông Nguyễn Văn B.

+ Hủy Quyết định số 21134/QĐ-UBND ngày 07/12/2021 của UBND huyện N về việc công nhận quyền sử dụng đất đối với hộ ông Nguyễn Cư .

+ Hủy Quyết định số 1492/QĐ-UBND ngày 07/3/2022 về việc thu hồi đất để thực hiện dự án đường trục chính từ Khu công nghiệp T đi cảng K và sân bay C tại thị trấn N, huyện N;

+ Hủy Quyết định số 1493/QĐ-UBND ngày 07/3/2022 về việc thu hồi đất để thực hiện dự án đường trục chính từ Khu công nghiệp T đi cảng K và sân bay C tại thị trấn N, huyện N;

+ Hủy Quyết định số 2819/QĐ-UBND ngày 12/5/2021 của Ủy ban nhân dân huyện N về bồi thường, hỗ trợ và giải phóng mặt bằng cho hộ ông (bà) Nguyễn Văn B - đại diện nhóm (4 hộ) để giải phóng mặt bằng xây dựng công trình đường trục

chính từ khu công nghiệp T đi cảng K và sân bay C (đoạn qua thị trấn N, huyện N) đợt 30 tại thị trấn N, huyện N, tỉnh Quảng Nam;

+ Hủy Quyết định số 15862/QĐ-UBND ngày 03/8/2021 của Ủy ban nhân dân huyện N về bồi thường, hỗ trợ và giải phóng mặt bằng cho Doanh nghiệp tư nhân T2 - đất Nguyễn C để giải phóng mặt bằng xây dựng công trình đường trục chính từ khu công nghiệp T đi cảng K và sân bay C (đoạn qua thị trấn N, huyện N) đợt 36 tại thị trấn N, huyện N, tỉnh Quảng Nam;

+ Hủy Quyết định số 1745/QĐ-UBND ngày 16/3/2022 về việc bồi thường, hỗ trợ đối với thửa đất số 43 tờ bản đồ số 4 cho hộ ông Nguyễn C để giải phóng mặt bằng xây dựng công trình đường trục chính từ Khu công nghiệp T đi cảng K và sân bay C;

+ Hủy Quyết định số 1746/QĐ-UBND ngày 16/3/2022 về việc bồi thường, hỗ trợ đối với thửa đất số 39 tờ bản đồ số 4 cho hộ ông Nguyễn Văn B để giải phóng mặt bằng xây dựng công trình đường trục chính từ Khu công nghiệp T đi cảng K và sân bay C;

+ Hủy Quyết định số 16597/QĐ-UBND ngày 19/8/2021 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện N về việc cưỡng chế thu hồi đất;

+ Hủy Quyết định số 16598/QĐ-UBND ngày 19/8/2021 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện N về việc cưỡng chế thu hồi đất.

+ Hủy Quyết định số 4454/QĐ-UBND ngày 14/6/2022 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện N về việc cưỡng chế thu hồi đất

+ Hủy Quyết định số 4455/QĐ-UBND ngày 14/6/2022 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện N về việc cưỡng chế thu hồi đất.

+ Buộc Ủy ban nhân dân huyện N thực hiện bồi thường, hỗ trợ cho các hộ ông Nguyễn Văn B, ông Nguyễn L, ông Nguyễn C và ông Nguyễn X (đối với các thửa đất số 03, 04 cùng tờ bản đồ số 03 và các thửa 39, 43 cùng tờ bản đồ số 04-2020) theo đúng quy định của pháp luật.

Ngoài ra bản án sơ thẩm còn quyết định về án phí và thông báo về quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

* Sau khi xét xử sơ thẩm, ngày 09/9/2024, người khởi kiện ông Nguyễn L và ông Nguyễn Văn B kháng cáo đề nghị chấp nhận yêu cầu của các ông.

* Tại phiên tòa phúc thẩm:

Ý kiến của người kháng cáo ông **Nguyễn L** và ông **Nguyễn Văn B**: giữ nguyên yêu cầu kháng cáo.

Ý kiến của Luật sư **Nguyễn S** và Luật sư **Trương Ngọc T1**: đề nghị chấp nhận đơn kháng cáo của ông **Nguyễn L** và ông **Nguyễn Văn B**

Quan điểm của đại diện Viện công tố và kiểm sát xét xử phúc thẩm tại Đà Nẵng tại phiên tòa:

- Về thủ tục tố tụng trong giai đoạn phúc thẩm đảm bảo đúng quy định tố tụng;

- Về nội dung: đề nghị bác đơn kháng cáo của ông **Nguyễn L** và ông **Nguyễn Văn B**, giữ nguyên quyết định của Bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã được kiểm tra, xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến của Kiểm sát viên, các quy định của pháp luật, Hội đồng xét xử thấy:

[1] Về thủ tục tố tụng: phiên tòa phúc thẩm xét xử vắng mặt của đương sự theo quy định tại Điều 225 Luật tố tụng hành chính.

[2] Về nội dung kháng cáo:

[2.1] Về yêu cầu hủy các quyết định thu hồi đất số 2537/QĐ-UBND và số 2538/QĐ-UBND ngày 28/4/2021 của **UBND huyện N**:

Người kháng cáo cho rằng diện tích đất nuôi trồng thủy sản tại các thửa đất số 03 và số 04, tờ bản đồ số 03-2020 mà họ đang sử dụng bị thu hồi thực tế nhiều hơn so với diện tích ghi nhận trong quyết định; cụ thể thiếu 81,4m² đất bờ tại thửa số 03 và thiếu 102,2m² đất bờ tại thửa số 04. Tuy nhiên, qua xem xét hồ sơ địa chính, trích đo bản đồ và biên bản kiểm kê, diện tích được xác định trong các quyết định thu hồi đất là đúng với hồ sơ quản lý đất đai, phù hợp thực tế sử dụng. Phần diện tích mà người kháng cáo cho rằng bị thiếu thực chất là bờ ao thuộc hành lang thoát lũ, không đủ điều kiện công nhận quyền sử dụng đất, nên không có căn cứ để bồi thường.

[2.2] Về yêu cầu hủy các quyết định bồi thường, hỗ trợ của **UBND huyện N**:

Người kháng cáo cho rằng việc xác định loại đất, nguồn gốc đất chưa chính xác; đồng thời tài sản trên đất (như vật nuôi thủy sản, cải tạo ao nuôi) chưa được bồi thường thỏa đáng. Hội đồng xét xử thấy rằng, các quyết định bồi thường được ban

hành trên cơ sở Luật Đất đai 2013, Nghị định số 47/2014/NĐ-CP và Quyết định số 43/2014/QĐ-UBND của UBND tỉnh Q. UBND huyện đã tiến hành kiểm kê, ghi nhận nguồn gốc đất và loại đất là đất nuôi trồng thủy sản, lập phương án bồi thường, hỗ trợ, trình phê duyệt đúng quy trình. Về vật nuôi tại thời điểm thu hồi đất, theo biên bản kiểm kê thì ao tôm đã được tháo dỡ, không còn tôm nuôi thương phẩm, nên không có căn cứ để bồi thường về vật nuôi. Tuy nhiên, cấp sơ thẩm đã xem xét, chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện, buộc UBND huyện bổ sung khoản hỗ trợ ổn định đời sống và sản xuất cho hộ gia đình khởi kiện, bảo đảm quyền lợi hợp pháp. Như vậy, ngoài phần đã được chấp nhận, các yêu cầu hủy toàn bộ quyết định bồi thường là không có căn cứ.

[2.3] Về yêu cầu hủy các quyết định cưỡng chế thu hồi đất số 4454/QĐ-UBND và số 4455/QĐ-UBND ngày 14/6/2022:

Người kháng cáo cho rằng các quyết định cưỡng chế không đảm bảo vì họ chưa được bồi thường, hỗ trợ thỏa đáng và chưa bàn giao mặt bằng. Xét thấy, các quyết định cưỡng chế được ban hành sau khi có quyết định thu hồi đất hợp pháp, đã thực hiện đúng trình tự theo quy định tại Điều 71 Luật Đất đai 2013: có thông báo cưỡng chế, lập kế hoạch cưỡng chế, vận động thuyết phục nhưng người có đất thu hồi vẫn không chấp hành. Việc UBND huyện N ban hành quyết định cưỡng chế là cần thiết để bảo đảm thi công công trình theo tiến độ, phù hợp pháp luật.

[3] Với nhận định trên; Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của ông Nguyễn L và ông Nguyễn Văn B và giữ nguyên quyết định của án sơ thẩm là phù hợp với đề nghị Viện công tố và kiểm sát xét xử phúc thẩm Viện kiểm sát nhân dân tối cao tại Đà Nẵng.

[4] Theo quy định khoản 1 Điều 34 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của UBTVQH về án phí và lệ phí Tòa án thì ông Nguyễn L và ông Nguyễn Văn B là người cao tuổi nên được miễn án phí hành chính phúc thẩm.

[5] Các quyết định khác của bản án hành chính sơ thẩm không bị kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lý trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 241 Luật Tổ tụng hành chính; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm án phí, lệ phí Tòa án;

Tuyên:

1. Bác yêu cầu kháng cáo của người khởi kiện ông **Nguyễn L** và ông **Nguyễn Văn B** và giữ nguyên quyết định Bản án hành chính sơ thẩm số 137/2024/HC-ST ngày 27 tháng 8 năm 2024 của Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Nam về việc “*Khiếu kiện quyết định hành chính, hành vi hành chính trong lĩnh vực quản lý đất đai*”.

2. Án phí hành chính phúc thẩm: ông **Nguyễn L** và ông **Nguyễn Văn B** không phải chịu.

3. Các quyết định khác của Bản án hành chính sơ thẩm không bị kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- TAND tối cao;
- VCT&XXPT tại Đà Nẵng;
- TAND TP Đà Nẵng;
- Cục THADS TP Đà Nẵng;
- Những người tham gia tố tụng;
- Lưu HSVA, P.HCTP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lê Văn Thường